

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 653/TTr-TNMT ngày 17/10/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CNSG-04 (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH nhựa S&B), KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam” tại Lô CNSG-04, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án: Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CNSG-04, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400961587 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/5/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9853213766 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 24/4/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400961587.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- (i) Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện truyền thông sợi quang và mô-đun quang học; (ii) Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại, chi tiết: Sản xuất, gia công đầu nối, dây nối điện tử và linh kiện; (iii) Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác: Sản xuất dây cáp FFC, dây Harness, đầu nối Connector và các bộ dây cáp tương tự.

- Dự án đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CNSG-04, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 3.024m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất, gia công linh kiện truyền thông sợi quang và mô-đun quang học: 70.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công đầu nối, dây nối điện tử và linh kiện: 770.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất dây cáp FFC, dây Harness, đầu nối Connector và các bộ dây cáp tương tự: 110.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ

điện tử Jingshi Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 01/6/2028.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam” tại lô CNSG-04, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 864/QĐ-TNMT ngày 30/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## **Phụ lục 1**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm của dự án, đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đưa vào điểm đầu nối (Đơn vị cho thuê nhà xưởng là Công ty TNHH nhựa S&B đã có Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại khu công nghiệp Vân Trung với Công ty cổ phần S&G là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp vào ngày 12/7/2019; Theo nội dung quy định trách nhiệm xử lý nước thải tại Hợp đồng thuê nhà xưởng số S&B-CNJS-202305001 ngày 30/5/2023 giữa Công ty TNHH nhựa S&B và Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam) để đưa về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm do Công ty cổ phần S&G quản lý để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường. Dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom theo đường ống PVC có đường kính D110 và D125 để xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn (gồm 1 bể thể tích 8m<sup>3</sup> ở khu vực văn phòng, 01 bể thể tích 10m<sup>3</sup> ở khu vực nhà xưởng). Sau đó, nước thải từ các bể tự hoại được thu gom về bể gom kích thước (dài x rộng x cao) là 2,44mx1,44mx1,8m bằng đường ống uPVC có đường kính D42, độ dốc i=0,25%, với tổng chiều dài 30m đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất: Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải → Hồ thu gom nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên.

- Công suất thiết kế: 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Chlorine: 0,5 lít/tháng

+ Mật rỉ đường: 10 lít/tháng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

\* Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và hệ thống xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

\* Biện pháp ứng phó:

- *Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:*

+ Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố ngay lập tức, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- *Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn:*

Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu TSS vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- *Sự cố rò rỉ đường ống*: Rà soát lại toàn bộ đường ống thu gom để phát hiện những đoạn bị hỏng gây ra rò rỉ, khắc phục sửa chữa các đoạn hỏng ngay trong ngày. Trong trường hợp cần thiết có thể dừng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 11/2023 đến tháng 02/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5 ÷ 9
3	Màu	mg/l	150
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50
5	Sunfua	mg/l	0,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/l	6
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào (bể thu gom) của hệ thống xử	Nhiệt độ, pH, BOD <sub>5</sub> (20°C), COD, Chất rắn lơ	Thực hiện lấy 01 lần, thời gian dự kiến: Ngày 15/12/2023	QCVN 40:2011/BTN MT,

	lý nước thải	lùng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform		cột B
2	Nước thải đầu ra (bể nước sạch) của hệ thống xử lý nước thải		Tần suất quan trắc nước thải là 01 ngày/lần, thực hiện lấy mẫu trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: Lần 1: Ngày 15/12/2023 Lần 2: Ngày 16/12/2023 Lần 3: Ngày 17/12/2023	

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng Tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:** có 05 nguồn

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ công đoạn hàn thiếc (hot - bar)
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ công đoạn hàn bổ sung.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ công đoạn hàn nhiệt GB.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn laser.
- Nguồn số 05: Khí thải từ công đoạn dán keo UV.

**2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải**

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công suất 100m<sup>3</sup>/phút trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công suất 100m<sup>3</sup>/phút thải ra ngoài môi trường.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X = 2349745,5; Y = 411719,5.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 100m<sup>3</sup>/phút, tương đương 6.000m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (16 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (*Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) và QCVN 20:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ*), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	

2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	-	
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	
5	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	-	
6	Chì và hợp chất tính theo Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	5	-	
7	Đồng và hợp chất tính theo Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	10	-	
8	Vinylclo rua	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Tại các công đoạn phát sinh hơi khí thải, Công ty bố trí các chụp hút thu gom bụi, khí thải vào đường ống dẫn  $\phi 400\text{mm}$  dài khoảng 150 m dẫn vào 01 tháp hấp phụ than hoạt tính (kích thước 1,5x 1,0 x 1,2 m) thông qua 01 quạt hút lưu lượng 100 m<sup>3</sup>/phút. Khí thải sau xử lý đạt đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT được thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí kích thước 600x800mm, cao 8m.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải tại dự án:

Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Khoang than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra ngoài môi trường (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 100 m<sup>3</sup>/phút (tương đương 6.000m<sup>3</sup>/giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải:

+ Than hoạt tính: 960 kg/năm

+ Tần suất thay thế than hoạt tính: Khoảng 6 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

\* Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (06 tháng/lần) thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

\* Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 11/2023 đến tháng 02/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công suất 100m<sup>3</sup>/phút.

2.3. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công suất 100m<sup>3</sup>/phút.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại Phân A Phụ lục này).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Khí thải tại ống	Lưu lượng, Bụi	Tần suất quan trắc khí	QCVN

thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải	tổng, CO, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ), SO <sub>2</sub> , Chì và hợp chất tinh theo Pb, Đồng và hợp chất tính theo Cu, Vinylclorua	thải là 01 ngày/lần, trong 03 ngày liên tiếp. Lần 1: Ngày 15/12/2024 Lần 2: Ngày 16/12/2024 Lần 3: Ngày 17/12/2024.	19:2009/ BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/ BTNMT.
---------------------------------------	--	---	---

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn**

- + Nguồn số 01: Từ khu vực hệ thống xử lý khí thải.
- + Nguồn số 02: Từ khu vực đặt máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.
- + Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy nén khí.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ ).

+ Vị trí 1: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực đặt máy bơm của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X = 2349745,5; Y = 411719,5.

+ Vị trí 2: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ: X = 2349742,7; Y = 411747,3.

+ Vị trí 3: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy nén khí. Tọa độ: X = 2349743,5; Y = 411743,1.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s <sup>2</sup>	1,4m/s <sup>2</sup>	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chân được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.
- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ

để giảm thiểu tiếng ồn khi vận hành.

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	18 02 01	50
2	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
3	Đầu mẫu que hàn	07 04 01	10
4	Than hoạt tính thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	960
5	Bao bì nhựa cứng thải loại (vỏ thùng keo)	18 01 03	20
<b>Tổng</b>			<b>1.060</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải phát sinh	Khối lượng (kg/tháng)
1	Rìu, cạy nhựa thừa thải bỏ, xỉ hàn	150
2	Bao bì đựng nguyên liệu thải bỏ	30
3	Găng tay (không dính thành phần nguy hại), nilong, thùng bìa cát tông, dây điện thải	10
4	Sản phẩm lỗi hỏng thải loại	30
<b>Tổng</b>		<b>210</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 21kg/ngày, tương đương 546 kg/tháng, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng...

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại các loại chất thải nguy hại, bên ngoài được dán nhãn, mã theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại với tần suất 06 tháng/lần.

### **2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà**

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 5 m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Kết cấu, cấu tạo của kho: Kho chứa chất thải với diện tích 5m<sup>2</sup> được bố trí trong kho chứa chất thải chung 25m<sup>2</sup>. Kho được lắp vách ngăn, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng nhựa dung tích 60 lít/thùng tại các khu vực sản xuất trong nhà xưởng và kho chứa chất thải.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp theo quy định với tần suất 01 tháng/lần.

### **2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà**

- Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 10m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Kết cấu, cấu tạo: Kho chứa chất thải sản xuất có diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>, bố trí trong kho chứa chất thải chung diện tích 25m<sup>2</sup>. Kho được lắp vách ngăn, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bố trí 03 thùng nhựa chứa rác có nắp đậy dung tích 15 lít/thùng tại khu vực phòng ăn, khu vực nghỉ ngơi và kho chứa chất thải. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định với tần suất 01 lần/tuần.

Bùn cặn của bể tự hoại: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

#### **2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:**

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: diện tích 5m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài



nhà xưởng.

- Kết cấu, cấu tạo: Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích  $5\text{m}^2$ , bố trí trong kho chứa chất thải chung diện tích:  $25\text{m}^2$ . Kho được lắp vách ngăn, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Công ty TNHH Công nghệ điện tử Jingshi Việt Nam có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Vân Trung, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 653/TTr-TNMT ngày 17/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.